

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **46/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 29/9/2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: ông Vũ Xuân Dự và ông Ngô Gia Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 104/2021/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1990; ĐKHKT : Tổ 2, phố N, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Hiện cư trú tại: Thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Trần Mạnh H1, sinh năm 1981; ĐKHKT và trú tại: Tổ 2, phố N, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về phía nguyên đơn chị Lê Thị H trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Chị và anh Trần Mạnh H1 kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 16/4/2009 tại UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn cụ thể như sau:

Năm 2017 vợ chồng chị thường xuyên cãi nhau, thậm chí đánh nhau vì bất đồng quan điểm sống, không cùng quan điểm về cách dạy con , cách sinh hoạt và các lý do khác nên quan hệ vợ chồng trở nên căng thẳng , tình cảm vợ chồng bắt đầu đi xuống mặc dù vợ chồng cũng đã nhiều lần ngồi lại với nhau trao đổi tìm

cách giải quyết mâu thuẫn, gia đình cũng can thiệp, giảng giải cho vợ chồng để chung sống hòa thuận.

Năm 2019 anh H1 mở cửa hàng ăn nhưng không duy trì được sinh ra chơi bời. Đến năm 2020 anh H1 chơi bời lơ đã dẫn đến nợ nần. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh H1 không thay đổi. Do vậy chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại huyện Đ, tỉnh T để sinh sống, ly thân với anh H1 từ đầu năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể quay về chung sống với nhau được nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 2 con chung là Trần Thu H2, sinh ngày 12/12/2009 và Trần Khánh H3, sinh ngày 07/7/2012, hiện cháu H2 đang ở với chị, cháu H3 ở với anh H1. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu H2, để anh H1 nuôi cháu H3, hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản: Chị H xác định vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Trần Mạnh H1 trong biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 05/7/2021 và quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Anh xác định thời gian và điều kiện kết hôn như chị H đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh tại Tổ 2, phố N, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng không thể tránh khỏi việc cãi cọ, xích mích với nhau, vợ chồng anh cũng như vậy nhưng chưa đến mức nặng nề. Chị H tự ý bỏ nhà đi từ tháng 02/2020, mặc dù anh đã nhiều lần gọi điện khuyên giải nhưng chị H không quay về, từ đó đến nay, vợ chồng anh chị sống ly thân. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh nhất trí vì xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, chị H đã bỏ nhà đi một thời gian dài nên nay muốn quay về anh cũng không chấp nhận.

Về con chung: Anh H1 cũng xác nhận vợ chồng có 2 con chung là Trần Thu H2, sinh ngày 12/12/2009 và Trần Khánh H3, sinh ngày 07/7/2012. Khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị H đóng góp tiền nuôi con cho anh. Trường hợp chị H làm được thủ tục chuyển trường học cho cháu H2 về huyện Đ, tỉnh Thái Bình là quê của chị H thì anh sẽ cân nhắc việc để chị H nuôi cháu H2.

Về tài sản chung: Anh H1 xác định vợ chồng ở cùng với bố mẹ đẻ của anh nên không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Con chung của vợ chồng là Trần Thu H2, sinh ngày 12/12/2009 và Trần Khánh H3, sinh ngày 07/7/2012 thuộc trường hợp Tòa án phải hỏi ý kiến theo quy định có nguyện vọng được ở với anh H1 khi bố mẹ ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn thực hiện tương đối đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử lý hôn giữa chị Lê Thị H

và anh Trần Mạnh H1; giao chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Trần Thu H2, sinh ngày 12/12/2009; giao anh Trần Mạnh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Trần Khánh H3, sinh ngày 07/7/2012; hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau; chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Trần Mạnh H1, cư trú tại Tổ 2, phố N, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Nguyên đơn, bị đơn đều đã được tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng nguyên đơn chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh H1 vắng mặt lần 2 không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Trần Mạnh H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H xác định do anh H1 chơi bời, cờ bạc dẫn đến nợ nần. Chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh H1 không thay đổi mà còn kiêu căng, đánh đập chị. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2020 không còn quan tâm đến nhau nữa.

Anh H1 cũng trình bày vợ chồng xảy ra mâu thuẫn một phần là do anh có rượu chè, chơi bời dẫn đến nợ nần và cũng do chị H tự ý bỏ nhà đi, mặc dù anh đã nhiều lần gọi điện để chị H quay về đoàn tụ nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay. Chị H có yêu cầu ly hôn, anh H1 cũng nhất trí ly hôn

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị H và anh H1 tại UBND thị trấn P là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương xác nhận vợ chồng anh H1 chị H có xảy ra mâu thuẫn do anh H1 rượu chè, vì mâu thuẫn nên chị H đã bỏ đi, không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2020

Như vậy chị H và anh H1 đều xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H1 rượu chè. Vợ chồng đã có thời gian sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện cho cả 2 bên có thời gian suy nghĩ, trao đổi, hòa giải với nhau nhưng không có kết quả. Vợ chồng anh chị đều khẳng định không thể quay về chung sống được với nhau, đều nhất trí việc ly hôn.

Từ những phân tích nêu trên đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị H, anh H1 hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị H giải quyết ly hôn anh H1 là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Chị H và anh H1 đều xác nhận vợ chồng có 2 con chung là Trần Thu H2, sinh ngày 12/12/2009 và Trần Khánh H3, sinh ngày 07/7/2012, hiện cháu H2 đang ở với chị H, cháu H3 ở với anh H1. Về phía chị H, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu H2, để anh H1 nuôi cháu H3, hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về phía anh H1, anh yêu cầu được nuôi cả 2 con khi vợ chồng ly hôn và không yêu cầu chị H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh. Nếu chị H muốn nuôi con là cháu H2 thì phải chuyển hộ khẩu và trường học cho con về quê ngoại của chị tại Thái Bình.

Con chung của vợ chồng là Trần Thu H2, sinh ngày 12/12/2009 và Trần Khánh H3, sinh ngày 07/7/2012 thuộc trường hợp Tòa án phải hỏi ý kiến theo quy định có nguyện vọng được ở với anh H1 khi bố mẹ ly hôn

Thực tế từ khi sống ly thân, cháu H2 ở với chị H, cháu H3 ở với anh H1. Để đảm bảo việc sinh sống, học tập ổn định cho cả hai con chung thì việc giao cháu H2 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu H3 cho anh H1 tiếp tục nuôi dưỡng, hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau theo đề xuất của chị H là phù hợp, được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 , 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Lê Thị H và anh Trần Mạnh H1.

2/ Về con chung: Giao chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Trần Thu H2, sinh ngày 12/12/2009. Giao cho anh Trần Mạnh H1 trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con chung Trần Khánh H3, sinh ngày 07/7/2012. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Lê Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA2608 ngày 09/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND TT P;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thế Anh